

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Công văn số 1316/UBKHCNMT ngày 27/3/2023 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc xây dựng báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số (CDS) trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Thực trạng

1.1. Công tác thể chế hóa chính sách, pháp luật tại địa phương

1.1.1. Chính sách, pháp luật về chuyển đổi số của Trung ương

Trên cơ sở các chính sách, pháp luật về chuyển đổi số của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản triển khai theo quy định; cụ thể:

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 9 tháng 9 năm 2021 về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2022 về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 831 /KH-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 về Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 890/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Hằng năm căn cứ Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số; hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông về xây dựng Kế hoạch chuyển đổi của các địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Kế hoạch tương ứng triển khai nhiệm vụ theo quy định và hướng dẫn.

1.1.2. Chính sách, pháp luật do địa phương xây dựng, thực thi

- Năm 20019, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khung Đề án “*An Giang điện tử*” giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Khung Đề án là tiền đề, nền tảng quan trọng, góp phần thúc đẩy công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông về xây dựng Nghị quyết chuyển đổi số nhằm thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số tại các địa phương, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban thường vụ Tỉnh ủy An Giang ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Khó khăn, hạn chế

Hạ tầng viễn thông là thành phần quan trọng trong hạ tầng phục vụ chuyển đổi số. Tuy nhiên tỉnh chưa ban hành được chính sách về phát triển hạ tầng viễn thông, góp phần thúc đẩy phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

3. Nguyên nhân

- Quy hoạch tổng thể tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2030 chưa được Thủ tướng phê duyệt.

- “Quy hoạch hạ tầng TTTT cấp quốc gia” đang trong quá trình xây dựng nên gặp khó khăn trong định hướng quy hoạch phát triển, hạ tầng mạng lưới viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 10/10/2020 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2020, trong đó "Chính phủ thống nhất cho phép tiếp tục duy trì các trạm BTS đã lắp đặt trên tài sản công (không xem xét việc lắp đặt, xây dựng mới trạm BTS) cho đến khi có quy định mới của Chính phủ; tuy nhiên, đến nay, vẫn chưa có hướng dẫn về nội dung này.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Tư duy, nhận thức về chuyển đổi số

1.1. Đối với lãnh đạo các cấp

Tỉnh đã chủ động quán triệt và triển khai sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Quyết định

số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh An Giang. Theo đó đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số là một trong những giải pháp đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xác định “Chuyển đổi số là tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và là động lực trong phát triển tỉnh An Giang”.

- Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo trên địa bàn tỉnh. Tổ chức chuỗi hội thảo về chuyển đổi số năm 2022 nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Sở TTTT đã phối hợp với Cục Tin học hóa - Bộ TTTT tổ chức lớp tập huấn Chuyển đổi số và an toàn an ninh thông tin cho đối tượng là lãnh đạo Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch, phó chủ tịch các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Buổi tập huấn đã triển khai cụ thể nội dung Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; bên cạnh đó hướng dẫn Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh theo Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 về Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của quốc gia” (nay là Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022).

1.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức

- Cán bộ, công chức, người lao động tại các cơ quan, địa phương thay đổi thói quen, cách làm cũ bằng cách khai thác hiệu quả các hệ thống CNTT đã và được triển khai, nghiên cứu đề xuất các lĩnh vực quản lý để ứng dụng CNTT hiệu quả.

- Tham gia các lớp tập huấn, đào tạo kỹ năng số, đảm bảo an toàn thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang¹.

- Sở TTTT phối hợp với Bộ TTTT triển khai các lớp đào tạo Chuyển đổi số trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Onetouch) cho 878 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn toàn tỉnh An Giang:

+ Khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số năm 2022 dành cho đối tượng lãnh đạo đơn vị chuyên trách CNTT: 32 người.

+ Lớp bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt chuyển đổi số tại địa phương: 05 người;

¹ Kế hoạch số 616/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh An Giang.

+ Chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số cho lãnh đạo UBND cấp xã: 212 người.

+ Khóa bồi dưỡng "Cách tiếp cận nền tảng trong chuyển đổi số": 629 người.

- Sở TTTT đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022 thuộc lĩnh vực TTTT theo Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022, cụ thể như sau:

+ Bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, an toàn thông tin; Xây dựng chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức quản lý cấp sở, cấp phòng các đơn vị và tương đương: 01 lớp (200 người).

+ Tập huấn thông tin cho công chức, viên chức thuộc cơ quan Đoàn thể chính trị - xã hội huyện, thị, thành phố về chính phủ số, kinh tế số, công dân điện tử...: 11 lớp (432 người).

+ Tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện: 01 lớp (200 người).

+ Lớp đảm bảo cơ bản về an toàn thông tin của người dùng, khai thác và sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho công chức, viên chức huyện, thị, thành phố: 11 lớp (440 người).

- Tổ chức Hội nghị tập huấn Tổ công nghệ số cộng đồng vào ngày 11/8/2022 bằng hình thức trực tuyến đến 11 điểm cầu cấp huyện và 156 điểm cầu cấp phường, xã, thị trấn để hướng dẫn các nội dung như: Cài đặt và hướng dẫn sử dụng Smart AnGiang; Tạo tài khoản và nộp hồ sơ trên Cổng DVC trực tuyến của tỉnh; Các ứng dụng tiện ích khác: thanh toán không dùng tiền mặt; sức khỏe điện tử; Bảo hiểm xã hội (VSSiD),...

- Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành, Châu Phú, Phú Tân, Thoại Sơn tổ chức tập huấn cho 3121 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó: Châu Thành 1.767 thành viên, Châu Phú 376 thành viên, Phú Tân 739 thành viên, Thoại Sơn 239 thành viên.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Doanh nghiệp triển khai Hội nghị bồi dưỡng, tập huấn Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang vào ngày 20/9/2022 nhằm cung cấp thông tin cho các thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã thực hiện lồng ghép các nội dung Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 vào “Chuyên mục Công nghệ thông tin” được phát sóng định kỳ hàng tháng trên Đài Phát thanh – Truyền hình An Giang; định hướng cho các cơ quan báo đài tuyên truyền, phổ biến, tăng cường tin, bài về các chính sách, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc chuyển đổi số; phổ biến, nhân rộng các điển hình đổi mới công nghệ, chuyển đổi

số thành công; nâng cao sự tiếp cận thông tin cho người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới.

- Đề xuất phương hướng hợp tác với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung: Đào tạo kỹ năng chuyên đề chuyên sâu theo phương pháp ToT (Truyền thông marketing điểm đến, Quản trị hình ảnh An Giang); Đào tạo chuyên sâu về an toàn an ninh thông tin – thành viên Đội ứng cứu an toàn thông tin; Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ chuyên đề về công tác xây dựng chiến lược (hoặc kế hoạch) truyền thông đối với các cơ quan hành chính nhà nước; Kỹ năng xử lý khủng hoảng truyền thông trên các phương tiện truyền thông.

- Phối hợp Vụ Công nghệ thông tin – Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội thảo “Vai trò doanh nghiệp và sản phẩm công nghệ số Make In Viet Nam trong phát triển ngành kinh tế - xã hội tại địa phương” tại tỉnh An Giang. Kết quả có 02 doanh nghiệp đang phối hợp với Hợp tác xã, Nông trại trên địa bàn tỉnh: thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm và thiết lập quy trình canh tác nông sản gắn với chất lượng sản phẩm

- Tổ chức “Chuỗi sự kiện Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2022” với chủ đề “Thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số” với 15 doanh nghiệp, hơn 300 đại biểu cùng tham dự sự kiện, đã có 10 doanh nghiệp tham gia trưng bày các gian hàng triển lãm, và hơn 10 bài tham luận được trình bày.

2. Công tác lãnh đạo, điều hành thực thi chính sách, pháp luật

2.1. Tổ chức bộ máy chuyển đổi số

- Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã Thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh An Giang do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực thông tin và truyền thông là Phó Trưởng ban Thường trực, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông là Phó Trưởng ban (Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 30/12/2021); Quyết định thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh An Giang (Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 15/9/2022).

Giúp việc cho Ban Chỉ đạo là Tổ Công tác do Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông làm Tổ trưởng.

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị, thành đều đã thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số. Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp sở là Giám đốc sở, Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp huyện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

2.2. Cơ chế chỉ đạo, điều hành

Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh An Giang theo Quyết định số 112/QĐ-BCĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ban Chỉ đạo. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực

Trưởng ban và các thành viên Ban chỉ đạo tổ chức triển khai các nhiệm vụ do Trung ương, địa phương ban hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công, phụ trách; đồng thời có đơn đốc, nhắc nhở triển khai thực hiện hoàn thành

nhiệm vụ, mục tiêu được giao.

Trên cơ sở văn bản Trung ương thì từng ngành theo lĩnh vực phụ trách sẽ tham mưu Ban chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện.

Ban chỉ đạo tham gia đầy đủ các cuộc họp do Chính phủ chủ trì, triệu tập đúng thành phần.

3. Nguồn lực chuyển đổi số (từ 2020 đến 2023; bao gồm nhân lực, tài chính,...)

3.1. Chính sách, pháp luật về nguồn lực (của Trung ương và địa phương): Chưa có.

3.2. Nguồn lực dành cho chuyển đổi số (của địa phương)

a) Nguồn nhân lực thực hiện chuyển đổi số của tỉnh: 201 người, trong đó:

- + Công chức chuyên trách: 40 người;
- + Công chức kiêm nhiệm: 118 người;
- + Viên chức chuyên trách: 07 người;
- + Viên chức kiêm nhiệm: 26 người.

b) Kinh phí thực hiện chuyển đổi số:

- Năm 2021: 13,867 tỷ đồng (vốn sự nghiệp) .
- Năm 2022: 23,546 tỷ đồng. Trong đó: vốn sự nghiệp: 9,451 tỷ đồng; vốn đầu tư: 13,615 tỷ đồng; xã hội hóa: 480 triệu đồng.
- Dự kiến triển khai năm 2023: 47,006 tỷ đồng. Trong đó, vốn sự nghiệp: 12,976 tỷ đồng; vốn đầu tư: 34,030 tỷ đồng.

- Năm 2023 là năm dữ liệu số, nên các dự án trọng tâm của chuyển đổi số năm 2023 gắn với việc xây dựng CSDL của tỉnh; cụ thể:

+ Dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang: Dự án đã có chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc chủ trương đầu tư dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang. Tổng mức đầu tư dự án: 41.928 triệu đồng (Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh 2021-2025). Sở TT&TT đang hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực: Dự án đã có chủ trương đầu tư tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 15/02 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực”. Tổng mức đầu tư dự án: 18.809 triệu đồng (Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh 2021-2025). Sở TTTT đã trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định để làm căn cứ trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư dự án.

- Ngoài ra, thực hiện theo nhiệm vụ của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm

2023², có nội dung nhiệm vụ giao tỉnh An Giang thực hiện "Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm nhân rộng trên phạm vi toàn quốc"; Triển khai thí điểm xã nông thôn mới thông minh (xã Thoại Giang) theo Quyết định số 969/QĐ-BNN-VPDP ngày 16/3/2023 về Phê duyệt danh mục mô hình thí điểm do Trung ương chỉ đạo thuộc Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Đợt 1).

4. Kết quả thực hiện 03 trụ cột chuyển đổi số

4.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

4.1.1. Dịch vụ công trực tuyến

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh:

- Hệ thống cung cấp đầy đủ thông tin TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Thực hiện cung cấp dịch vụ công đáp ứng và đầy đủ theo danh mục quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành; tính đến ngày 16/3/2023, Hệ thống đã cung cấp tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số lượng thủ tục hành chính của tỉnh): **2.079** dịch vụ.

Trong đó: số lượng dịch vụ công mức độ 3 (dịch vụ công trực tuyến một phần) là 606 dịch vụ, dịch vụ công mức độ 4 (dịch vụ công trực tuyến toàn trình) là 976 dịch vụ, tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn là 95,4%; Tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận 124.518 hồ sơ; Số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến là 90.822 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 72,9%; Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (trực tuyến và không trực tuyến) đạt 81,8%.

- Đã thực hiện kết nối, đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện kiểm thử và công khai 1.493 dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ **100%** (trừ những thủ tục đang sử dụng phần mềm chuyên ngành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải); kết nối với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đã thực hiện triển khai thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thông qua VietinBank, kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment Platform của Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Đánh giá tình hình hiệu quả và mức độ đáp ứng của dịch vụ công trực tuyến:

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được triển khai đáp ứng yêu cầu tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; đáp ứng yêu cầu giải quyết, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

+ Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình, một phần) cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện theo đúng quy định về danh mục dịch vụ công trực tuyến được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh

² Quyết định số 17/QĐ-UBQGCHĐS ngày 04/4/2023 của Ủy ban quốc gia chuyển đổi số.

ban hành.

4.1.2. Hiện đại hóa hành chính

STT	Nội dung	Kết quả
1	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Cấp tỉnh: 98% Cấp huyện: 96% Cấp xã: 90%
2	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	100%

* Hệ thống quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành (QLVBDH):

- Hệ thống QLVBDH đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định 28/2018/QĐ-TTg, các quy trình quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành, đồng thời liên thông gửi nhận văn bản với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành TW thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP), liên thông gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, góp phần triển khai thành công Chính quyền điện tử tỉnh và tích hợp chữ ký số.

- Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.

* Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS):

- Đã triển khai thí điểm cho các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng giúp điện tử hóa, chuẩn hóa chế độ, biểu mẫu báo cáo của các cơ quan trên địa bàn tỉnh và kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ và thực hiện gửi số liệu báo cáo định kỳ hằng tháng đối với 8 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh được Văn phòng Chính phủ giao đến Hệ thống báo cáo Chính phủ thông qua Hệ thống báo cáo LRIS của tỉnh nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tỷ lệ báo cáo của CQNN được thực hiện trực tuyến đạt 100% (hiện nay các báo cáo được yêu cầu thực hiện qua hệ thống LRIS do VPUBND tỉnh quản lý).

4.1.3. Về phát triển dữ liệu

* Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang (LGSP):

- Thực hiện kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC nội bộ tỉnh như: Phần mềm đăng ký hộ kinh doanh cá thể (Sở KHĐT); Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường;

- Liên thông qua Trục kết nối liên thông quốc gia (NDXP) như: Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, phần mềm đăng ký, quản lý Hộ tịch trực tuyến: Đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử); Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá); Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở

dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH); Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp); Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov); Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua); Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS); Bộ Công an (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).

- Việc kết nối, liên thông được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam hiện hành.

- Hiện nay, hệ thống đang trong quá trình rà soát, nâng cấp, hiệu chỉnh, bổ sung các chức năng, tính năng theo hướng dẫn tại Công văn số 631/THH-THHT ngày 21/5/2020 và Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ TTTT về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0).

* Về cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước:

- UBND tỉnh đã ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh An Giang (Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Số lượng CQNN cung cấp dữ liệu mở: 03/09 cơ quan, đạt tỉ lệ 33,3%.

* Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang

- Ngày 20/6/2022, UBND tỉnh An Giang phối hợp Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) tổ chức Lễ ra mắt vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang.

- Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh đang vận hành thử nghiệm với 10 lĩnh vực với 08 nhân sự tham gia tiếp nhận thông tin (hiện nay, lĩnh vực lưu trú đã chuyển sang Bộ công an quản lý).

- UBND tỉnh An Giang đã ban hành Quy chế quản lý, khai thác và vận hành thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang (Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 19/5/2022;); Quy chế thử nghiệm phối hợp tiếp nhận, xử lý và phản ánh thông tin của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang (Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 13/6/2022).

- IOC huyện, thị, thành: đã có 08/11 huyện, thị, thành phố đã ra mắt IOC và còn 3 đơn vị chưa có IOC là: Thành phố Châu Đốc, huyện Tri Tôn và huyện Tịnh Biên.

* Hệ thống phần mềm quản lý chuyên ngành: Phụ lục 4 kèm theo.

4.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kết quả chỉ tiêu thực hiện:

STT	Nội dung	Kết quả
1.	Tỷ trọng kinh tế số trên GDP	chưa có số liệu (ước tính tỷ trọng kinh tế số)

		trên GRDP 4-5%)
2.	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Chưa có số liệu
3.	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Chưa có số liệu
4.	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Chưa có số liệu
5.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	30%
6.	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động	Chưa có số liệu

- Ngày 29/3/2022, UBND tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 170/KH-UBND về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030.

- UBND tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 Ban hành Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang đến năm 2025.

- Triển khai đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký tài khoản đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên Cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp (Digital Business Indicators) tại địa chỉ <https://dbi.gov.vn/>.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30% so với mục tiêu 30% năm 2022 (*như: thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng mạng xã hội để trao đổi, quảng bá hình ảnh (ZALO, Facebook,...), họp trực tuyến (zavi, zoom, google meet,...)*).

- Các cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở giáo dục liên kết với các ngân hàng, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt theo hướng dẫn tại văn bản số 288/KH-UBND ngày 16/05/2022 của UBND tỉnh An Giang ban hành kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Triển khai thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin các dịch vụ công trực tuyến qua mạng internet: về Phòng cháy chữa cháy, về đăng ký lưu trú, về đăng ký kinh doanh có điều kiện, về đăng ký cấp hộ chiếu phổ thông không gắn chip điện tử, về tiếp nhận thông báo xử phạt vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông; tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp.

4.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Kết quả chỉ tiêu thực hiện:

STT	Nội dung	Kết quả
1.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại	66,2%

2.	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	68,07%
3.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	1,86%
4.	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	Chưa có số liệu
5.	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang	73,45%
6.	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản	Chưa có số liệu
7.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	1,83%
8.	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	16,2%
9.	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	91,4%
10.	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	100%
11.	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở	100%

- Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh.

- 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối internet phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Hiện trạng hạ tầng:

+ Trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS): 2.160;

+ Thuê bao điện thoại di động: 2.471.745;

+ Thuê bao băng rộng cố định: 439.758;

+ Tỷ lệ phủ rộng mạng băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh. Đang khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký với tập đoàn/tổng công ty triển khai 5G tại An Giang.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các địa phương, trường học, cơ sở y tế, bệnh viện trên địa bàn tỉnh qua chuyển khoản và thẻ POS tại Bệnh viện Hạnh Phúc, Bệnh viện Nhật Tân, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang, Bệnh viện Sản Nhi,...

- Đẩy mạnh hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, tra cứu nghĩa vụ thuế, đăng ký thuế,... bằng phương thức điện tử trên hệ

thống dịch vụ thuế điện tử (eTax, eTax Mobile), đã giúp tiết kiệm được rất nhiều chi phí. Các thủ tục đã được thực hiện vô cùng nhanh chóng, giúp cho thời gian hao phí trước đây tính bằng giờ, bằng ngày thì nay tính bằng phút.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân tham gia sử dụng một số thủ tục, ứng dụng tiện ích như: kích hoạt, đăng ký định danh điện tử mức 2 trên ứng dụng Vneid; sử dụng tài khoản định danh điện tử, thẻ CCCD, Vneid thay cho thẻ BHXH, BHYT, ATM; phát triển, khai thác tối đa vai trò của ứng dụng Vneid đảm bảo thuận lợi cho người dân sử dụng các tiện ích về y tế, giáo dục, an sinh xã hội... và cấp tài khoản định danh cho tổ chức và người nước ngoài theo Nghị định 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

7. Khó khăn, hạn chế

- Các chỉ tiêu chưa được hướng dẫn xác định được cách thức thu thập thông tin đánh giá tỷ lệ như: tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực; tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản; tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động, Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản; Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử; tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7%.

- Sự quan tâm, chỉ đạo đối với công tác chuyển đổi số của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cao dẫn đến việc triển khai các nhiệm vụ đề ra còn chậm trễ so với quy định như: cung cấp chỉ số DTL, cung cấp số liệu về viễn thông công ích, triển khai xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin, triển khai hướng dẫn khai thác CSDL quốc gia về dân cư trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, quy trình gửi nhận văn bản điện tử, cung cấp số liệu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT, trang thiết bị phục vụ công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC ở bộ phận một cửa các cấp; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được nhập và xử lý trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh chưa đảm bảo,...

- Nguồn lực tài chính của Tỉnh còn hạn chế, nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án của ngành ít so với yêu cầu; vì vậy, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai các nhiệm vụ của ngành trong Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh; các dự án hầu như phải phải lui thời gian triển khai, hiện tại có 02 được ghi vốn chuẩn bị cho năm 2023 (dự án Triển khai trung tâm dữ liệu và IOC tỉnh; dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực).

- Nhận thức của một bộ phận người dân về chuyển đổi số còn hạn chế.

- Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập tới các khóm/ấp trên địa bàn tỉnh, các tổ hoạt động rất năng nổ nhiệt tình, tuy nhiên chưa được hỗ trợ kinh phí để thực hiện, nên hoạt động đưa người dân tiếp cận chuyển đổi số còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn.

- Về đảm bảo an toàn, an ninh mạng: Công tác đảm bảo an toàn thông tin tại một số cơ quan, địa phương còn gặp nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian do thiếu nhân lực về CNTT tại chỗ. Mặt khác, về lâu dài, để đảm bảo nhiệm vụ về an toàn

thông tin, an ninh mạng cần có đội ngũ chuyên trách và nguồn lực tài chính, tuy nhiên hiện nay chưa có qui định cụ thể nội dung này.

- Số lượng công chức chuyên trách/ phụ trách về CNTT ở cấp huyện và xã còn rất thấp, công chức kiêm nhiệm chưa có kiến thức chuyên sâu và thường xuyên thay đổi vị trí công tác dẫn đến việc công chức mới phụ trách còn gặp những khó khăn nhất định.

- Đối với thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ sở y tế: Đặc thù của bệnh viện là chi phí tạm ứng liên tục, hiện tại các ngân hàng vẫn tính phí như một giao dịch, phát sinh chi phí giao dịch theo quy định hiện hành.

- Điều kiện về thiết bị cũng như trình độ, kỹ năng khai thác sử dụng các nền tảng số của người dân vẫn còn hạn chế, còn tâm lý e ngại; ứng dụng các phần mềm Dịch vụ công trong giải quyết thủ tục hành chính phần lớn vẫn nhờ cán bộ tại bộ phận một cửa nhập hồ sơ lên cổng dịch vụ công.

- Việc ứng dụng CNTT vào các ngành, lĩnh vực còn hạn chế. Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, tuyên truyền, quảng bá du lịch, cổ động trực quan... vẫn còn thiếu thốn, lạc hậu và chưa được đầu tư đúng mức.

- Khả năng sử dụng Cơ sở dữ liệu (CSDL) và các ứng dụng Chuyển đổi số của CBCC-VC, người lao động của một số đơn vị chưa bắt kịp với tốc độ phát triển cao của công nghệ thông tin.

- Việc triển khai IOC là nhiệm vụ mới, đa số là thí điểm nên mô hình tổ chức thực hiện chưa nhất quán; các thành viên trực IOC đa số là kiêm nhiệm, chưa có chế độ. (Hiện tại, có 45/63 tỉnh triển khai IOC tỉnh, chủ yếu là thí điểm; khoảng 10 tỉnh có đầu tư chính thức).

- Thí điểm triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây lúa trên địa bàn tỉnh, hướng tới có thể nhân rộng trên phạm vi toàn quốc cơ bản đã hoàn thành năm 2022. Trong năm 2023, sẽ tiếp tục giao tỉnh An Giang thực hiện nhiệm vụ "Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm nhân rộng trên phạm vi toàn quốc" (theo Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 04/4/2023), dự kiến kinh phí cao (theo báo giá của Viettel khoảng 10 tỷ đồng).

- Bộ TTTT chưa ban hành hướng dẫn chi tiết các nội dung triển khai CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Từ đó, sở chưa triển khai được nhiệm vụ ngành tại tỉnh (Vốn sự nghiệp và vốn đầu tư).

- Trục kết nối liên thông của ngành Thuế với các cơ quan khác được thực hiện tập trung tại Tổng cục Thuế. Do vậy, trong quá trình triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh An Giang, việc kết nối và chia sẻ dữ liệu với CSDLQG về dân cư thì Cục Thuế phải xin ý kiến và chờ hướng dẫn tập trung của Tổng cục Thuế.

- Thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt vẫn còn một số hạn chế: Chất lượng hàng hóa, dịch vụ trong thương mại điện tử vẫn chưa được kiểm soát tốt, cơ chế đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng còn hạn chế... Các ví điện

tử vẫn chưa liên thông, chưa giao dịch được với nhau; Các phí phát sinh khi giao dịch chưa thật sự thu hút đối với người có thu nhập thấp và Sở Công thương chưa thống kê được số lượng doanh nghiệp có xây dựng website thương mại điện tử và số lượng doanh nghiệp có tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Hệ thống Thông tin quản lý hộ tịch và Hệ thống thông tin quản lý danh mục và quản lý hộ tịch 158 thường xuyên bị quá tải, không thể đăng nhập vào để tiếp nhận và xử lý hồ sơ cho người dân. Đối với hồ sơ thuộc thủ tục đăng ký khai sinh, trường hợp đăng ký cho con không có tên cha hoặc mẹ nhưng, khi kết nối liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) thì bắt buộc cần phải gửi đầy đủ các trường dữ liệu thông tin của cha và mẹ, nếu không sẽ không thể gửi dữ liệu hồ sơ liên thông đăng ký khai sinh đến Hệ thống Thông tin quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp.

8. Nguyên nhân

8.1. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức về chuyển đổi số một số của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là lãnh đạo các cấp vẫn chưa đồng đều, chưa nhận thức đúng bản chất về chuyển đổi số.

8.2. Nguyên nhân khách quan

- Nguồn lực tài chính của Tỉnh còn hạn chế, do đó nguồn kinh phí cho thực hiện chuyển đổi số thấp so với nhu cầu. Mặt khác, do không có mục chi riêng cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong mục lục chi ngân sách nước nên khó đảm bảo được nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Trình độ nhận thức, năng lực về kỹ năng số của người dân còn hạn chế, nhất là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng núi, biên giới.

III. KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đối với Chính phủ:

Sớm có hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc trong sử dụng đất công để phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo Nghị quyết 149/NQ-CP ngày 10/10/2020.

2. Đối với Bộ, ngành:

- Kiến nghị Tổng cục Thống kê: phối hợp các ngành có liên quan xem xét, bổ sung thêm trường thông tin vào Kế hoạch điều tra thống kê quốc gia, địa phương hàng năm; cụ thể:

+ Doanh thu thương mại điện tử.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực.

- Kiến nghị Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan đề xuất bổ sung mục chi cho công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong mục lục chi ngân sách nhà nước trình Quốc hội xem xét, ban hành.

- Kiến nghị Bộ TTTT:

- Sớm có quy hoạch, chiến lược phát triển hạ tầng viễn thông cấp quốc gia vì hạ tầng viễn thông giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hạ tầng số và chuyển đổi số.

- Phối hợp Bộ Nội vụ cần có qui định cụ thể về biên chế chuyên trách cho an toàn thông tin, an ninh mạng để đảm bảo năng lực tham mưu và triển khai thực hiện trong thời gian tới.

3. Đối với địa phương:

- Lãnh đạo cấp huyện cần quan tâm, đảm bảo nguồn lực cho Phòng Văn hóa thông tin để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn phụ trách.

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang, kính gửi Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Email: nguyenducthang@quochoi.vn;
- TT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở TTTT;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy